

Bản án số: 161/2023/HS-PT
Ngày: 19/09/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Long**

Các thẩm phán:

Bà Dương Thị Hồng Minh

Ông Bùi Trọng Danh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Vũ Tùng Lâm** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 144/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 08 năm 2023 đối với các bị cáo Phạm Thị N và Phạm Công V do có kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 17 tháng 07 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Phạm Thị N**, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại Đà Nẵng; Nơi cư trú: Tổ xx, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Tạm trú tại: Số xxx Đình Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Phạm E và bà Trần Thị M; Có chồng là Bùi M (sinh năm xxxx) và 02 con (sinh năm xxxx và xxxx); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/10/2022. Có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo bị kháng nghị: **Phạm Công V**, sinh ngày xx tháng xx năm xxxx, tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: Số xx Đào D, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: xx Tú M, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; Con ông Phạm Công N và bà Huỳnh Thị Kim V; Có vợ Nguyễn Thị Thanh P (Đã ly hôn) và 02 con (sinh năm xxxx và xxxx); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2002 bị Công an quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử phạt hành chính phạt tiền 2.000.000

đồng về hành vi “Vận chuyển hàng cấm là thuốc lá ngoại”; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/10/2022. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 9 năm 2022, do khó khăn trong việc kinh doanh nên Phạm Thị N nảy sinh ý định mua thuốc lá điếu nhập lậu tại tỉnh T đem về thành phố Đà Nẵng để bán kiếm lời. Đến cuối tháng 9 năm 2022, N đến khu vực bến xe trung tâm thành phố H tìm người bán thuốc lá điếu ngoại nhập lậu thì gặp một người đàn ông không rõ lai lịch hỏi mua 9.120 bao thuốc lá điếu ngoại nhập lậu với giá 142.000.000 đồng và người này hẹn đến ngày 02.10.2022 giao hàng tại khu vực chợ Đ, thành phố H. Đến ngày 01.10.2022, N liên hệ với Phạm Công V(là lái xe) nhờ V chở N đi H để nhận hàng với giá 300.000 đồng, V đồng ý và N hỏi mượn xe ô tô biển kiểm soát 43A-470.75 của con rể là Nguyễn Cửu T để đi. Sáng ngày 02.10.2022, V điều khiển xe ô tô 43A-470.75 chở N ra đến khu vực chợ Đ, thành phố H thì ngoài xe chờ còn N đi vào trong chợ mua gom của một số tiểu thương 480 bao thuốc lá điếu ngoại nhập lậu rồi đem bỏ lên xe. Do N đã liên hệ trước nên lúc này có một người phụ nữ đi xe máy đến và nói N điều khiển xe theo mình thì N nói V chạy xe theo người phụ nữ này đến một căn nhà hoang tại khu vực gần cầu A, thành phố H thì dừng lại. Lúc này, tại căn nhà hoang có người phụ nữ chạy xe máy và 03 thanh niên cùng với 27 thùng cát tông bên trong chứa 9.120 bao thuốc lá điếu ngoại nhập lậu nên N nói V lui xe vào để những người này chất hàng lên xe. Sau khi kiểm tra đủ hàng thì N giao 142.000.000 đồng tiền hàng cho người phụ nữ trên rồi nói V điều khiển xe về lại Đà Nẵng. Việc N mua thuốc lá điếu ngoại nhập lậu này V không biết, trên đường đi V quan sát thấy số hàng nêu trên là thuốc lá điếu ngoại nhập lậu nên V hỏi N thì N nói đây là thuốc lá điếu ngoại nhập lậu và V vẫn đồng ý chở số thuốc lá này về tới nhà của N tại Số xxx Đỉnh Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Khi V và N đang bốc dỡ số thuốc lá vào nhà thì bị Phòng Cảnh sát Kinh tế Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang.

Theo kết luận giám định số 1427/KL-KTHS ngày 07.10.2022 của phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: 9.600 bao thuốc lá điếu nêu trên không phải là thuốc lá được sản xuất tại V Nam.

* Tại bản cáo trạng số 46 ngày 06 tháng 5 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Phạm Thị N về tội “Buôn bán hàng

cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự; truy tố Phạm Công V về tội “Vận chuyển hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật hình sự.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 17/07/2023, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị N 10 (mười) năm tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/10/2022.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Công V 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

- Ngày 24/7/2023, bị cáo Phạm Thị N có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, bị cáo xin xem xét giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện hòa nhập cộng đồng và làm lại cuộc đời.

- Ngày 28/7/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 17/07/2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo Phạm Công V về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Phạm Thị N thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là đúng; bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo, cung cấp tình tiết mới đã nộp số tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm; hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nhiều bệnh nền, xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Phạm Công V xác nhận không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm; đề nghị HĐXX xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu và xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu; đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: áp dụng điểm b khoản 3 Điều 191 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo Phạm Công V về tội “Vận chuyển hàng cấm”.

Đối với kháng cáo của bị cáo Phạm Thị N, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Phạm Thị N thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như bản án sơ thẩm đã kết luận là đúng; chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. HĐXX nhận thấy: Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/10/2022, Phạm Thị N đã có hành vi mua 9600 bao thuốc lá điều ngoại nhập không có hóa đơn chứng từ từ một người đàn ông và một người phụ nữ tại khu vực chợ Đ, thành phố H với giá tiền 142.000.000 đồng để đem về thành phố Đà Nẵng tiêu thụ kiếm lời; sau khi nhận hàng vận chuyển về đến nhà tại Số xxx Đinh Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, khi đang bốc dỡ số thuốc lá này vào nhà cất giấu thì bị Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện, bắt giữ.

Vì vậy, bản án hình sự sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 17/07/2023 của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Phạm Thị N về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Thị N, HĐXX thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, cụ thể là trật tự quản lý việc sản xuất, buôn bán hàng cấm trong lãnh thổ của quốc gia; bị cáo nhận thức được thuốc lá điều ngoại nhập là mặt hàng mà nhà nước cấm sản xuất, vận chuyển, buôn bán nhưng vì mục đích vụ lợi bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật cố ý thực hiện hành vi phạm tội, buôn bán với số lượng lớn 9.600 bao, nên cần xử phạt tương xứng. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung là cần thiết.

Tuy nhiên, xét bị cáo là phụ nữ, từ trước đến nay có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội; trình độ học vấn thấp, phạm tội do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, dịch bệnh Covid kéo dài, bị cáo có nhiều bệnh nền như bệnh tim, bấu cổ; số lượng thuốc lá điều ngoại nhập bị cáo mua về chưa kịp tiêu thụ đã bị phát hiện thu giữ kịp thời; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền phạt bổ sung theo quyết

định của bản án sơ thẩm, thể hiện sự ăn năn hối cải của mình; đây là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần được áp dụng bổ sung cho bị cáo. Do vậy, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[3] Xét kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, HĐXX thấy rằng: Để thực hiện ý định mua thuốc lá điều ngoại nhập từ thành phố H đưa về Đà Nẵng tiêu thụ, bị cáo N đã thuê Phạm Công V lái xe ô tô biển kiểm soát 43A-470.75 do N mượn của con rể là Nguyễn Cửu T, để chở số thuốc lá điều ngoại nhập mua được về Đà Nẵng; mặc dù khi thuê bị cáo N chỉ trao đổi và thỏa thuận với V ra H chở hàng hóa về Đà Nẵng với tiền công là 300.000 đồng, mà không nói cụ thể là chở thuốc lá điều ngoại nhập, và mặc dù bị cáo V không tham gia vào việc trao đổi, mua thuốc lá điều ngoại nhập với những người bán tại thành phố Huế; nhưng khi số bao thuốc lá ngoại nhập bị cáo N mua được giấu trong các hộp giấy cát tông chất lên xe và trong quá trình điều khiển xe về lại Đà Nẵng, V quan sát thấy số hàng nêu trên là thuốc lá điều ngoại nhập lậu, V có hỏi N thì N đã nói cho V biết đó là thuốc lá điều ngoại nhập lậu; lẽ ra V có quyền từ chối chở số thuốc lá điều ngoại nhập này về Đà Nẵng, nhưng V vẫn tiếp nhận ý chí của bị cáo N, đồng ý chở số thuốc lá này về tới nhà của N tại Số xxx Đinh Đ, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Khi V và N đang cùng bốc dỡ số thuốc lá vào nhà thì bị Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện, bắt quả tang; tại biên bản bắt người phạm tội quả tang V cũng khai N rủ đi H để chở thuốc lá ngoại nhập lậu về giúp N, N trả công 300.000 đồng. Như vậy, có cơ sở và có căn cứ để xác định mặc dù không được trao đổi, bàn bạc từ trước nhưng khi đã biết bị cáo N mua thuốc lá điều ngoại nhập về Đà Nẵng bán, bị cáo V đã tiếp nhận ý chí và cùng cố ý thực hiện hành vi buôn bán thuốc lá điều ngoại nhập với bị cáo N, giúp bị cáo N vận chuyển số hàng cấm này về Đà Nẵng, là đồng phạm tội với vai trò là người giúp sức; đây là hình thức đồng phạm giản đơn không có sự thông mưu từ trước. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 17 Bộ luật hình sự quy định về đồng phạm và căn cứ Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự quy định về “Giới hạn xét xử của Tòa án” tiến hành trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung V đồng phạm với N và đã Thông báo bổ sung về việc xét xử bị cáo V đồng phạm tội với bị cáo N về tội “Buôn bán hàng cấm” và xử phạt 6 năm 6 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Bản thân bị cáo V sau khi xét xử sơ thẩm cũng không có kháng cáo về tội danh và hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát,

giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo V và cũng không có cơ sở để xem xét giảm hình phạt theo đề nghị của bị cáo V.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Các bị cáo Phạm thị N và Phạm Công V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02 ngày 28 tháng 7 năm 2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, giữ nguyên tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo Phạm Công V. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Thị N, sửa một phần bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo N.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị N** 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02/10/2022.

- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Công V** 06 (Sáu) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Buôn bán hàng cấm”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 02/10/2022.

2. Về biện pháp tư pháp: Quy trừ số tiền 20.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Phạm Thị N đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001507 ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Phạm Thị N và bị cáo Phạm Công V không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- CQCSĐT Công an quận Liên Chiểu;
- Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Trại giam Công an TP Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Long

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Hồng Minh Bùi Trọng Danh

Trần Minh Long

